**PHỤ LỤC**

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT CÁC QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 55/2011/NĐ-CP NGÀY 04 THÁNG 7 NĂM 2011 CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA TỔ CHỨC PHÁP CHẾ**

*(Kèm theo Báo cáo số…../BC-BTP ngày …/12/2022 của Bộ Tư pháp)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung quy định của văn bản được rà soát** | **Nội dung quy định của văn bản là căn cứ để rà soát, đối chiếu** | **Phân tích quy định mâu thuẫn, chồng chéo gây khó khăn, kìm hãm sự phát triển** | **Phương án xử lý, kiến nghị xử lý** |
| **I.** | **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Điều 1 dự thảo)** | | | | |
|  | **Tổ chức pháp chế tại đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 1 Điều 1 dự thảo)** | Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa quy định.  Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: Điều 6 quy định đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tổ chức bộ máy; Điều 7 về Hội đồng quản lý. | Thực tiễn tại một số cơ sở giáo dục đại học, cơ sở đào tạo nghề đã thành lập tổ chức pháp chế hoặc bố trí người làm công tác pháp chế chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Tại các bệnh viện ở tuyến trung ương và cấp tỉnh đều đã bố trí cán bộ kiêm nhiệm làm công tác pháp chế.  Vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức, hoạt động của tổ chức pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập chưa được quy định cụ thể trong Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, dẫn đến khó khăn trong việc kiện toàn về bộ máy, triển khai thực hiện nhiệm vụ của tổ chức pháp chế tại các đơn vị này.  Trong khi, Nghị định số 120/2020/NĐ-CP giao quyền tự chủ cho đơn vị sự nghiệp công lập trong tự chủ về tổ chức bộ máy. | Bổ sung thêm tổ chức pháp chế tại các đơn vị sự nghiệp công lập vào Điều 1 về phạm vi và đối tượng điều chỉnh:  **“Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh**  Nghị định này quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế ở bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), doanh nghiệp nhà nước, *đơn vị sự nghiệp công lập* và quản lý nhà nước về công tác pháp chế.”. |
|  | **Vị trí, chức năng của tổ chức pháp chế tại đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 2 Điều 1 dự thảo)** | Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa quy định.  Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: Điều 6 quy định đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tổ chức bộ máy; Điều 7 về Hội đồng quản lý. | Đã nêu tại khoản 1 mục I Phụ lục này | Thống nhất với việc bổ sung tổ chức và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập tại khoản Điều 1 về phạm vi và đối tượng điều chỉnh, bổ sung khoản 3 Điều 2 quy định về vị trí, chức năng của tổ chức pháp chế tại đơn vị sự nghiệp công lập:  *“3. Tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập là đơn vị chuyên môn, có chức năng tham mưu, tư vấn cho người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.”.* |
|  | **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ (khoản 3 Điều 1 dự thảo)** | | | | |
| 3.1. | Công tác xây dựng pháp luật | Điều 31 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020) quy định:  1. Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được xây dựng hằng năm trên cơ sở đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và yêu cầu quản lý nhà nước trong từng thời kỳ, bảo đảm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.  2. Quốc hội quyết định chương trình xây dựng luật, pháp lệnh tại kỳ họp thứ nhất của năm trước.  Điều 29 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định: tổ chức pháp chế ở bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tiếp nhận thông tin từ cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết về tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước chậm nhất là vào ngày 23 hàng tháng. Chậm nhất là ngày 25 hàng tháng, tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, cập nhật thông tin điện tử hoặc gửi thông tin về Bộ Tư pháp. | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP):  (i) Không còn quy định nhiệm vụ xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kì;  (ii) Không còn quy định nhiệm vụ lập dự kiến chương trình xây dựng Nghị định;  (iii) Bổ sung nhiệm vụ đề xuất danh mục, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết.  Do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung các quy định trong Nghị định cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 như sau:  “a) Chủ trì *hoặc* phối hợp với các đơn vị liên quan lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ gửi Bộ Tư pháp để lập đề nghị của Chính phủ về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội; lập đề nghị xây dựng nghị định của Chính phủ; *đề xuất danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;* thông báo cho các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung nghị định của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết; tổ chức việc hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo tình hình tiến độ thực hiện chương trình xây dựng luật, pháp lệnh *và tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết* khi được phê duyệt;”. |
| 3.2. | Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, *pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật* và hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật | - Chương XVI Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020);  - Điểm b, c khoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:  “b) Thủ trưởng các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản điều chỉnh những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình. Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc người đứng đầu đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình;  c) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của bộ, cơ quan ngang bộ.”.  - Khoản 1 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:  “1. Chế độ báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các cấp được thực hiện theo quy định sau:  a) Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc Bộ Tư pháp; tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, công chức tư pháp - hộ tịch có trách nhiệm xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân.  b) Báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được gửi đến Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.  Báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp để Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  Báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp để Phòng Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.  c) Thời hạn gửi báo cáo, thời điểm lấy số liệu báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản thực hiện theo quy định của pháp luật về thống kê.”.  - Pháp lệnh pháp điển hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. | - Quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) có nhiều thay đổi, do đó các quy định hiện hành của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã không đáp ứng kịp, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.  - Thực tế, các bộ, ngành phân công công việc theo hướng tản việc đến từng đơn vị chuyên môn (là các đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản được pháp điển hoặc được giao quản lý nhà nước về lĩnh vực mà văn bản quy định); một số bộ, ngành giao cho tổ chức pháp chế tổ chức, thực hiện toàn bộ công tác pháp điển. Do đó, tổ chức pháp chế Bộ có nhiệm vụ chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ thực hiện công tác này. | Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:  “2. Về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, *pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật* và hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật  *a) Đôn đốc, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản chung của bộ, cơ quan ngang bộ;*  *b) Phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ;*  *c) Xây dựng báo cáo hằng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*  *d*) Chủ trì hoặc p*hối hợp* với các đơn vị liên quan thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, *hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật* liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật.”. |
| 3.3. | Công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật | - Điều 166 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định thẩm quyền của kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ.  - Điểm a khoản 2 Điều 111 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:  “a) Người đứng đầu tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ là đầu mối giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện việc tự kiểm tra thông tư, thông tư liên tịch do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành;”.  - Khoản 1 Điều 112 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:  “1. Khi phát hiện văn bản có dấu hiệu trái pháp luật, cơ quan, đơn vị thực hiện việc tự kiểm tra theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 111 của Nghị định này có trách nhiệm lập hồ sơ kiểm tra văn bản và báo cáo ngay kết quả kiểm tra văn bản với cơ quan, người đã ban hành văn bản đó để xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 130 của Nghị định này.”.  - Khoản 3 Điều 136 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:  “3. Tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, cơ quan được Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt giao nhiệm vụ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt trong việc đôn đốc, chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý văn bản ở bộ, ngành, địa phương.”. | - Quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020); Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) có nhiều thay đổi, do đó các quy định hiện hành của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đã không đáp ứng kịp, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:  “3. Về công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật  a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra và xử lý văn bản thuộc *trách nhiệm,* thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;  *b) Xây dựng báo cáo hằng năm về kết quả công tác kiểm tra, xử lý văn bản trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;*  *c) Giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đôn đốc, chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý văn bản ở bộ, cơ quan ngang bộ.*”. |
| 3.4. | Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật | Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật quy định:  - Khoản 1 Điều 6: nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật.  - Điểm c khoản 2 Điều 6: “Bộ cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật”.  - Khoản 1 Điều 25 Luật Phổ biến giáo dục pháp luật quy định: các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ về phổ biến, giáo dục pháp luật.  - Điều 3 Nghị định số 28/2013/NĐ-CP quy định:  “1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều 6, Khoản 1 Điều 25 Luật phổ biến, giáo dục pháp luật và có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:  a) Tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật theo chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của Bộ Tư pháp;  b) Chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;  c) Thực hiện việc thống kê, báo cáo Bộ Tư pháp về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;  d) Sơ kết, tổng kết, khen thưởng các tập thể, cá nhân trong ngành, lĩnh vực có thành tích xuất sắc trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện xã hội hóa công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;  đ) Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.  2. Tổ chức pháp chế các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.”. | Luật Phố biến giáo dục pháp luật và Nghị định số 28/2013/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung các nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật của tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ. Do đó, cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau:  “4. Về công tác phổ biến giáo dục pháp luật  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.”.* |
| 3.5. | Công tác theo dõi thi hành pháp luật | - Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định:  “5. Tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ khác khi được phân công."  - Khoản 1, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 19/2020/NĐ-CP quy định:  “1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của mình.  Đối với vụ việc quy định tại điểm e khoản 1 Điều 5 Nghị định này mà có tính chất phức tạp, mang tính liên ngành, trong phạm vi toàn quốc, thì Bộ trưởng Bộ Tư pháp báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định cơ quan có trách nhiệm chủ trì thực hiện việc kiểm tra.  Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện việc kiểm tra.”.  “4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thực hiện việc kiểm tra đối với các trường hợp quy định tại các điểm đ và e khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị định này.”. | - Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) không quy định tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ có nhiệm vụ “kiểm tra việc thực hiện pháp luật”, do đó cần phải bỏ nhiệm vụ này.  - Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP có quy định nhiệm vụ về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, do đó cần phải bổ sung cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 3 như sau:  *“5. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.”.* |
| 3.6. | Công tác bồi thường nhà nước | Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước quy định:  “Điều 75. Trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ  Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:  1. Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 73 của Luật này;  2. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật;  3. Chỉ đạo cơ quan giải quyết bồi thường thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả, thực hiện xử lý kỷ luật theo thẩm quyền;  4. Xử lý và chỉ đạo xử lý vi phạm trong việc giải quyết bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả;  5. Hằng năm hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước, thống kê, báo cáo việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước;  6. Trả lời, thực hiện kiến nghị của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;  7. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.”. | - Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước đã bổ sung nhiều nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành về bồi thường nhà nước.  - Khoản 2 Điều 32 Thông tư 08/2019/TT-BTP quy định biện pháp thực hiện quản lý Nhà nước về công tác bồi thường Nhà nước[[1]](#footnote-1) đã quy định trách nhiệm của Tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang Bộ trong việc tham mưu, giúp Bộ trưởng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.  Do đó, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung quy định về nhiệm vụ bồi thường nhà nước của tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 3 như sau:  “6. Về công tác bồi thường của Nhà nước  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ:*  *a) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật;*  *b) Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước*.”. |
|  | **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ (khoản 4 Điều 1 dự thảo)** | - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020);  - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước; các Bộ luật tố tụng hình sự, dân sự, hành chính; Luật Thi đua khen thưởng; Luật Thỏa thuận quốc tế, Luật Điều ước quốc tế; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; Nghị định 113/2014/NĐ-CP.  - Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định:  “5. Tổ chức pháp chế các bộ, cơ quan ngang bộ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ khác khi được phân công.". | - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã bỏ quy định cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện nhiệm vụ chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật; chủ trì rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời, trên cơ sở kế thừa các quy định trong Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đang còn hợp lý, các nhiệm vụ trên của tổ chức pháp chế thuộc cơ quan thuộc Chính phủ cần điều chỉnh cho phù hợp.  - Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước; các Bộ luật tố tụng hình sự, dân sự, hành chính; Luật Thi đua khen thưởng; Luật Thỏa thuận quốc tế, Luật Điều ước quốc tế; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; Nghị định 113/2014/NĐ-CP đều không quy định trách nhiệm của cơ quan thuộc Chính phủ trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan. Đồng thời, trên cơ sở kế thừa các quy định trong Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đang còn hợp lý, các nhiệm vụ trên của tổ chức pháp chế thuộc cơ quan thuộc Chính phủ cần điều chỉnh cho phù hợp.  - Về nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật của các cơ quan thuộc Chính phủ, trừ nhiệm vụ của Bảo hiểm xã hội Việt Nam được quy định tại Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, các cơ quan thuộc Chính phủ khác không được Luật xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định hướng dẫn thi hành quy định. Do đó, thực hiện quy định trên, trên cơ sở vừa kế thừa các quy định còn hợp lý của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, nhiệm vụ theo dõi thi hành pháp luật của tổ chức pháp chế cơ quan thuộc Chính phủ cần điều chỉnh cho phù hợp.  - Bỏ nhiệm vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp của tổ chức pháp chế thuộc các cơ quan thuộc Chính phủ do các cơ quan này này không có doanh nghiệp nhà nước do mình thành lập, quản lý. Riêng Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thì thực hiện nhiệm vụ này với tư cách đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29/09/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. | Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:  “**Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ**  *1. Về công tác xây dựng pháp luật, nội quy, quy chế của cơ quan*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ:*  *a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc góp ý, thẩm định dự thảo nội quy, quy chế của cơ quan thuộc Chính phủ;*  *b) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ;*  *c) Tham gia ý kiến đối với các đề nghị, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được gửi xin ý kiến.*  *2. Có ý kiến về mặt pháp lý đối với các văn bản, hợp đồng do các đơn vị khác chuẩn bị trước khi trình Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ.*  *3. Về công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật*  *Phối hợp với tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ kiểm tra văn bản có quy định thuộc lĩnh vực hoạt động của cơ quan thuộc Chính phủ.*  *4. Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ:*  *a) Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật;*  *b) Phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.*  *5. Về công tác bồi thường của Nhà nước*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ:*  *a) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật;*  *b) Phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.*  *6. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.*  *7. Về công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*  *Tổ chức pháp chế Bảo hiểm xã hội Việt Nam chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện quản lý nhà nước trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định pháp luật.*  *8. Hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế đối với tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế ở các đơn vị trực thuộc.*  *9. Thực hiện công tác tham mưu về các vấn đề pháp lý và tham gia tố tụng, thi đua khen thưởng trong công tác pháp chế và hợp tác với nước ngoài về pháp luật.*  *10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”.* |
|  | **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ (khoản 5 Điều 1 dự thảo)** | Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước; các Bộ luật tố tụng hình sự, dân sự, hành chính; Luật Thi đua khen thưởng; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 32/2020/NĐ-CP, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP; Nghị định số 113/2014/NĐ-CP. | - Điểm b hoản 1 Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) quy định:  “Người đứng đầu tổ chức pháp chế hoặc người đứng đầu đơn vị được giao thực hiện công tác pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình;”.  - Tuy nhiên, ngoài quy định trên, các văn bản hiện hành (Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật; Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước; các Bộ luật tố tụng hình sự, dân sự, hành chính; Luật Thi đua khen thưởng; Nghị định số 55/2019/NĐ-CP; Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 32/2020/NĐ-CP, Nghị định số 118/2021/NĐ-CP, Nghị định số 19/2020/NĐ-CP; Nghị định số 113/2014/NĐ-CP) đều không quy định cụ thể trách nhiệm của Tổng cục và tương đương, Cục thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ trong thực hiện các nhiệm vụ liên quan. Đồng thời, trên cơ sở kế thừa các quy định trong Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đang còn hợp lý, các nhiệm vụ trên của tổ chức pháp chế thuộc cơ quan thuộc Chính phủ cần điều chỉnh cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 5 như sau:  a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:  *“*b) Giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng phối hợp với *tổ chức pháp chế* của bộ, cơ quan ngang bộ lập dự kiến chương trình*, kế hoạch* xây dựng pháp luật của bộ, cơ quan ngang bộ; *đề xuất* *danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;”.*  b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:  “a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thường xuyên rà soát, định kỳ hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý chuyên sâu; *định kỳ hằng năm, xây đựng báo cáo về công tác rà soát, hệ thống hoá văn bản trình Tổng cục trưởng, Cục trưởng, gửi tổ chức pháp chế của bộ, cơ quan ngang bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;*  b) *Chủ trì hoặc phối hợp* thực hiện pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật, *hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật* liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên sâu theo quy định của pháp luật;”.  c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:  “4. Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật  *a) Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;*  *b) Phối hợp với tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi quản lý nhà nước của Tổng cục, cục*.”.  d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:  *“5. Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.”.*  đ) Bổ sung khoản 5a vào sau khoản 5 như sau:  *“5a. Về quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*  *Chủ trì hoặc phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.*”.  e) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:  “6. Về công tác bồi thường nhà nước  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Tổng cục trưởng, Cục trưởng thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác bồi thường nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của tổ chức pháp chế bộ, cơ quan ngang bộ và của Bộ Tư pháp.”.*  g) Bổ sung khoản 9a vào sau khoản 9 như sau:  *“9a. Đối với các đơn vị ngành dọc trực thuộc Tổng cục, Cục và tương đương, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế của Tổng cục, Cục, Tổng cục trưởng, Cục trưởng quy định về nhiệm vụ, quyền hạn pháp chế theo tổ chức ngành dọc.*”. |
|  | **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 6 Điều 1 dự thảo)** | Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa quy định.  Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: Điều 6 quy định đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tổ chức bộ máy; Điều 7 về Hội đồng quản lý. | Đã nêu tại khoản 1 mục I Phụ lục này | Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:  ***“Điều 5a. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập***  *Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tư vấn, giúp Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị thực hiện các nhiệm vụ:*  *1. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc góp ý, thẩm định nội quy, quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập, văn bản, hợp đồng theo sự phân công của Hội đồng quản lý, Thủ trưởng đơn vị; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập.*  *2. Tham mưu, tư vấn những vấn đề pháp lý về tổ chức, hoạt động của đơn vị và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của viên chức, người lao động.*  *3. Phổ biến, giáo dục pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập cho viên chức, người lao động.*  *4. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật, nội quy, quy chế của đơn vị.”.* |
|  | **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 7 Điều 1 dự thảo)** | - Chương XIII, XIX Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) đã bổ sung trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân trong việc đề xuất danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.  - Điểm b khoản 1 Điều 170 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng báo cáo hàng năm về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.  - Điều 4 Nghị định 28/2013/NĐ-CP quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.  - Khoản 3 Điều 73 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tố tụng và thi hành án tại địa phương.  - Điều 17 Nghị định số 59/2012/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 32/2020/NĐ-CP) quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác theo dõi thi hành pháp luật, bỏ đi nhiệm vụ kiểm tra tình hình theo dõi thi hành pháp luật. | Trên cơ sở các văn bản hiện hành có sự sửa đổi, bổ sung về nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân nhân, Ủy ban nhan dân các cấp, kế thừa các quy định còn hợp lý của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế thuộc Ủy ban nhân dân các cấp cũng cần phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 6 như sau:  a) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:  “b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan phối hợp với Sở Tư pháp *đề xuất* *danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước;”.*  b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:  “b) Đđổi, bổ ằng năm, xây dung điểm b khoản 2 như sau:n cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gg năm, xây dung điểm b khoản 2 như sau:n cấp tỉnh, quyết địn  c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:  “4. *Về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; phối hợp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.”.*  d) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:  *“*5. *Về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan thực hiện* công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước ở  địa phương.”.  đ) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:  “6. *Về công tác bồi thường của Nhà nước*  *Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan giúp Thủ trưởng cơ quan:*  *a) Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến bồi thường nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ và hướng dẫn của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực và của Sở Tư pháp;*  *b) Phối hợp trong việc thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước.”.* |
|  | **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước (khoản 8 Điều 1 dự thảo)** | Luật doanh nghiệp | Thực tiễn quản lý cho thấy, các tổ chức pháp chế tại doanh nghiệp nhà nước có chức năng, nhiệm vụ tư vấn, tham mưu các vấn đề pháp lý tập trung vào hai nhóm nhiệm vụ chính: tổ chức và hoạt động trong nội bộ doanh nghiệp; bảo đảm việc thực hiện pháp luật của doanh nghiệp. Trong đó, nhóm nhiệm vụ trong nội bộ doanh nghiệp chiếm vị trí chủ yếu và phù hợp với bản chất kinh doanh của doanh nghiệp.  Đồng thời, các quy định còn hợp lý của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cũng cần được kế thừa.  Do đó, quy định tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP cần sửa cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:  “**Điều 7.** **Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước**  1. Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tư vấn, giúp Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp *thực hiện các nhiệm vụ liên quan tới nội bộ của doanh nghiệp:*  a) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung *hoặc góp ý, thẩm định* điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp;  b) Soạn thảo các loại mẫu hợp đồng; có ý kiến về mặt pháp lý đối với dự thảo các hợp đồng, dự thảo thoả thuận do các bộ phận khác của doanh nghiệp soạn thảo trước khi trình Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp*;* tham gia đàm phán, ký kết hợp đồng, thoả thuận;  c) Phổ biến, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện điều lệ, nội quy, quy chế của doanh nghiệp;  d) Tư vấn, thuê tư vấn pháp luật đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đánh giá rủi ro môi trường đầu tư, kinh doanh đối với các dự án đầu tư của doanh nghiệp ra nước ngoài; có ý kiến về mặt pháp lý đối với các quyết định về *tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan* của doanh nghiệp;  e) Tham gia giải quyết tranh chấp, yêu cầu về dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp; tham gia tố tụng với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp hoặc tham mưu thuê luật sư tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.  *2. Chủ trì, phối hợp với các bộ phận liên quan tư vấn, giúp* Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp *tổ chức thực hiện pháp luật của doanh nghiệp:*  a) Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến *tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan* của doanh nghiệp;  b) Góp ý đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan, tổ chức gửi xin ý kiến; tổng kết, đánh giá pháp luật liên quan đến *tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan* của doanh nghiệp;  c) Phổ biến, giáo dục pháp luật;  d) Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện pháp luật; tổng kết, đánh giá tình hình tuân thủ pháp luật, ý thức chấp hành pháp luật của người lao động trong doanh nghiệp.  3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.”. |
|  | **Tổ chức pháp chế ở Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (khoản 9 Điều 1 dự thảo)** | - Luật Tổ chức Chính phủ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;  - Nghị định số [123/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-123-2016-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-bo-co-quan-ngang-bo-321514.aspx); Nghị định số [101/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-101-2020-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-123-2016-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-cua-bo-451389.aspx)  sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [123/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-123-2016-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-bo-co-quan-ngang-bo-321514.aspx). | - Luật Tổ chức Chính phủ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Nghị định số [123/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-123-2016-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-bo-co-quan-ngang-bo-321514.aspx); Nghị định số [101/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-101-2020-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-123-2016-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-cua-bo-451389.aspx)  sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [123/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-123-2016-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-bo-co-quan-ngang-bo-321514.aspx); Nghị định 10/2016/NĐ-CP không có quy định cụ thể về tổ chức pháp chế như khoản 1 Điều 8 Nghị định số 55/2011/NĐ-CP.  - Trên cơ sở thực tiễn, hầu hết tất cả các bộ, cơ quan ngang bộ đều đã thành lập Vụ Pháp chế và tương đương, trừ một số bộ đặc thù (Bộ Công an thành lập Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp; Bộ Ngoại giao thành lập Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế); tên gọi của tổ chức pháp chế ở một số bộ, cơ quan ngang bộ cũng có sự khác nhau (Văn phòng Chính phủ là Vụ Pháp luật).  Do đó, để phù hợp với quy định và bảo đảm sự linh hoạt trong lựa chọn mô hình, cần phải sửa đổi, bổ sung nội dung này cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 8 như sau:  a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:  “1. Bộ, cơ quan ngang bộ *có Vụ hoặc Cục thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ trong thực hiện công tác pháp chế*.  Tổ chức pháp chế ở các bộ, cơ quan ngang bộ được thành lập theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.”.  b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:  *“Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp có tổ chức pháp chế. Các cơ quan thuộc Chính phủ khác, căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, có tổ chức pháp chế hoặc ghép với đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ”.*  Tổ chức pháp chế ở cơ quan thuộc Chính phủ chịu sự quản lý, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.”.  c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:  “3. *Tổng cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có tổ chức pháp chế hoặc ghép với bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ khác thuộc Tổng cục và tương đương.*  *Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, các đơn vị trực thuộc theo ngành dọc của Tổng cục có tổ chức pháp chế hoặc người làm công tác pháp chế chuyên trách.*  Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, ở các Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có tổ chức pháp chế hoặc người làm công tác pháp chế chuyên trách.  Tổ chức pháp chế ở Tổng cục và tương đương, Cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ. *Tổ chức pháp chế trực thuộc theo ngành dọc thuộc Tổng cục và tương đương chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế thuộc Tổng cục và tương đương.”.* |
|  | **Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (khoản 10 Điều 1 dự thảo)** | - Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương;  - Khoản 3 Điều 1 Nghị định số  107/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [24/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-24-2014-nd-cp-to-chuc-co-quan-chuyen-mon-thuoc-ubnd-tinh-tp-truc-thuoc-trung-uong-225599.aspx) quy định:  3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:  **“Điều 5. Cơ cấu tổ chức của sở**  1. Cơ cấu tổ chức của sở, gồm:  a) Phòng chuyên môn, nghiệp vụ;  b) Thanh tra (nếu có);  c) Văn phòng (nếu có);  d) Chi cục và tổ chức tương đương (nếu có);  đ) Đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có).”. | Nghị định số 107/2020/NĐ-CP giao quyền tự chủ cho UBND cấp tỉnh trong việc quy định cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh. Đồng thời, kế thừa các quy định còn phù hợp của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP, một số tổ chức pháp chế tại một số cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh có nhiều nhiệm vụ liên quan đến công tác xây dựng pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, tham mưu về pháp lý hiện đang còn hoạt động vẫn phát huy vai trò của mình. Do đó, cần thiết phải sửa đổi quy định này cho phù hợp. | Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:  “**Điều 9. Tổ chức pháp chế ở cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**  **Phương án 1:**  *1. Căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Phòng Pháp chế* *hoặc được ghép tổ chức pháp chế với thanh tra để thành lập tổ chức Thanh tra - Pháp chế. Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập tổ chức Thanh tra thì ghép tổ chức pháp chế vào phòng chuyên môn, nghiệp vụ để thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ - Pháp chế.*  2. Tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn chịu sự quản lý, kiểm tra về công tác pháp chế của Sở Tư pháp và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của *tổ chức* pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ *quản lý ngành, lĩnh vực*.  **Phương án 2:**  1. Phòng Pháp chế được thành lập ở các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sau đây:  *a) Sở Xây dựng;*  *b) Sở Tài nguyên và Môi trường;*  *c) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*  *d) Sở Giao thông vận tải;*  *đ) Sở Y tế;*  *e) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*  *g) Sở Tài chính;*  *h) Sở Kế hoạch và Đầu tư.*  *2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương, các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có Phòng Pháp chế* *hoặc được ghép với thanh tra để thành lập tổ chức Thanh tra - Pháp chế. Trường hợp cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không thành lập tổ chức Thanh tra thì ghép với phòng chuyên môn, nghiệp vụ để thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ - Pháp chế.*  3. Tổ chức pháp chế ở các cơ quan chuyên môn chịu sự quản lý, kiểm tra về công tác pháp chế của Sở Tư pháp và chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của *tổ chức* pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ *quản lý ngành, lĩnh vực*.”. |
|  | **Tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước (khoản 11 Điều 1 dự thảo)** | - Khoản 11 Điều 8 Luật Doanh nghiệp quy định: “Doanh nghiệp nhà nước bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này.”.  - Điều 88 Luật Doanh nghiệp quy định:  **“Điều 88. Doanh nghiệp nhà nước**  1. Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, bao gồm:  a) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;  b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.  2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:  a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;  b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.  3. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này bao gồm:  a) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;  b) Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.”. | - Do nội hàm doanh nghiệp nhà nước đã thay đổi trong Luật Doanh nghiệp so với thời điểm ban hành Nghị định số 55/2011/NĐ-CP nên cần điều chỉnh cho phù hợp.  - Điều này được sửa thống nhất với các nội dung sửa đổi, bổ sung về tổ chức pháp chế trong doanh nghiệp nhà nước trong dự thảo Nghị định. | Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:  **“Điều 10. Tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước**  *1.**Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng Công ty nhà nước có tổ chức pháp chế hoặc ghép tổ chức pháp chế với bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ. Các doanh nghiệp nhà nước khác, căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, có tổ chức pháp chế hoặc người làm công tác pháp chế chuyên trách.*  *Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế chuyên trách thực hiện theo quy định của Nghị định này.*  2. Tổ chức pháp chế, *người làm công tác pháp chế chuyên trách* ở doanh nghiệp nhà nước chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của *tổ chức pháp chế* thuộc bộ, cơ quan ngang bộ và chịu sự quản lý về công tác pháp chế của Bộ Tư pháp.  Tổ chức pháp chế, *người làm công tác pháp chế chuyên trách* ở các doanh nghiệp nhà nước ở địa phương chịu sự quản lý, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của Sở Tư pháp.  *Tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế chuyên trách ở công ty con của doanh nghiệp nhà nước chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế ở công ty mẹ.*”. |
|  | **Tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 12 Điều 1 dự thảo)** | Nghị định số 55/2011/NĐ-CP chưa quy định.  Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tổ chức bộ máy. | Đã nêu tại khoản 1 mục I Phụ lục này | Bổ sung Điều 10a vào sau Điều 10 như sau:  **“Điều 10a. Tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập**  *1. Căn cứ vào nhu cầu công tác pháp chế, các đơn vị sự nghiệp công lập có tổ chức pháp chế hoặc ghép tổ chức pháp chế vào đơn vị chuyên môn nghiệp vụ hoặc người làm công tác pháp chế chuyên trách.*  *Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của tổ chức pháp chế và người làm công tác pháp chế chuyên trách thực hiện theo quy định của Nghị định này.*  *2. Tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế chuyên trách ở đơn vị sự nghiệp công lập chịu sự hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ trong công tác pháp chế của tổ chức pháp chế cơ quan chủ quản và chịu sự quản lý về công tác pháp chế của Bộ Tư pháp*.”. |
|  | **Người làm công tác pháp chế (khoản 13 Điều 1 dự thảo)** | - Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức quy định:  “1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:  “2. Công chức là công dân Việt Nam, được tuyển dụng, bổ nhiệm vào ngạch, chức vụ, chức danh tương ứng với vị trí việc làm trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện; trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân mà không phải là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng; trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân mà không phải là sĩ quan, hạ sĩ quan phục vụ theo chế độ chuyên nghiệp, công nhân công an, trong biên chế và hưởng lương từ ngân sách nhà nước.”.  - Điều 2 Luật Viên chức quy định:  “Viên chức là công dân Việt Nam được tuyển dụng theo vị trí việc làm, làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập theo chế độ hợp đồng làm việc, hưởng lương từ quỹ lương của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật.”. | - Trên cơ sở phù hợp với quy định về công chức, viên chức tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.  - Xuất phát từ tính chất đặc thù của công tác pháp chế, để góp phần chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ pháp chế, nâng cao vị thế, vai trò của công tác pháp chế, tổ chức và người làm công tác pháp chế cũng như bảo đảm tính khả thi của quy định về chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề, qua đó động viên, khuyến khích, thu hút những cán bộ có năng lực, trình độ, nhiệt huyết vào làm việc tại các tổ chức pháp chế thì cần thiết phải xây dựng các ngạch chức danh Pháp chế viên. | Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:  **“Điều 11. Người làm công tác pháp chế**  1. Người làm công tác pháp chế bao gồm:  *a) Công chức làm công tác pháp chế tại tổ chức pháp chế hoặc các đơn vị chuyên môn thuộc bộ, cơ quan ngang bộ (bao gồm các đơn vị trực thuộc theo ngành dọc của Tổng cục thuộc bộ), cơ quan thuộc Chính phủ và cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;*  *b) Viên chức làm công tác pháp chế tại tổ chức pháp chế hoặc các bộ phận chuyên môn ở đơn vị sự nghiệp công lập;*  c) Người làm công tác pháp chế tại tổ chức pháp chế các đơn vị quân đội, công an nhân dân;  d) Nhân viên pháp chế được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng lao động vào tổ chức pháp chế ở doanh nghiệp nhà nước.  *2. Công chức, viên chức làm công tác pháp chế được xem xét, bổ nhiệm vào ngạch, hạng pháp chế viên, pháp chế viên chính, pháp chế viên cao cấp*.”. |
|  | **Tiêu chuẩn, chế độ của người làm công tác pháp chế (khoản 14 Điều 1 dự thảo)** | Khoản 4 Điều 7 Luật Cán bộ, công chức quy định:  “4. Ngạch là tên gọi thể hiện thứ bậc về năng lực và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của công chức.”.  - Khoản 1 Điều 8 Luật Viên chức quy định:  “1. Chức danh nghề nghiệp là tên gọi thể hiện trình độ và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức trong từng lĩnh vực nghề nghiệp.”.  - Hiện nay chưa có văn bản quy định về tiêu chuẩn chế độ người làm công tác pháp chế; người đứng đầu tổ chức pháp chế. | - Trên cơ sở phù hợp với quy định về công chức, viên chức tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức.  - Kế thừa quy định còn phù hợp tại Nghị định số 55/2011/NĐ-CP về tiêu chuẩn có bằng đại học luật của người làm công tác pháp chế. Đồng thời, đáp ứng yêu cầu về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật nhằm xây dựng nhà nước pháp quyền theo chủ trương chung của Đảng và Nhà nước; nâng cao chất lượng công tác pháp chế.  - Tương thích với quy định tại khoản 12 Điều 1 dự thảo: Nếu xây dựng chức danh Pháp chế viên thì cần quy định tiêu chuẩn chung của người làm công tác pháp chế phù hợp với chức danh này và các tiêu chuẩn cụ thể cho từng ngạch Pháp chế viên, đồng thời người làm công tác pháp chế sẽ được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề tương xứng với đặc thù công việc của mình.  - Các quy định về điều động, luân chuyển cán bộ của Đảng cho thấy, nếu quy định cứng người đứng đầu tổ chức pháp chế phải có thời gian công tác pháp luật ít nhất là 5 năm sẽ không phù hợp với thực tiễn và không có nguồn để bổ nhiệm cán bộ. | Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:  **“Điều 12. Tiêu chuẩn, chế độ của người làm công tác pháp chế**  *1. Tiêu chuẩn chung của người làm công tác pháp chế*  *a) Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, có phẩm chất đạo đức tốt;*  *b) Có trình độ cử nhân luật trở lên;*  *c) Công chức pháp chế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định này phải là công chức từ ngạch chuyên viên trở lên; viên chức pháp chế quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định này là viên chức có chức danh nghề nghiệp.*  *2. Tiêu chuẩn của người đứng đầu tổ chức pháp chế*  *a) Trường hợp thành lập tổ chức pháp chế độc lập, người đứng đầu tổ chức pháp chế được bổ nhiệm phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung của người làm công tác pháp chế quy định tại khoản 1 Điều này và có ít nhất ba năm (03 năm) trực tiếp làm công tác pháp luật. Thời gian trực tiếp làm công tác pháp luật là tổng các khoảng thời gian người đó liên tục hoặc không liên tục được cộng dồn.*  *Trường hợp luân chuyển, điều động người đứng đầu tổ chức, đơn vị khác sang giữ vị trí người đứng đầu tổ chức pháp chế, người được điều động, luân chuyển phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung của người làm công tác pháp chế quy định tại khoản 1 Điều này và có ít nhất ba năm (03 năm) trực tiếp làm công tác pháp luật. Trường hợp chưa có trình độ cử nhân luật thì trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày được luân chuyển, điều động, người đứng đầu tổ chức pháp chế phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ pháp chế do Bộ trưởng Bộ Tư pháp cấp.*  *b) Trường hợp tổ chức pháp chế được ghép với tổ chức thanh tra để hình thành tổ chức Thanh tra - Pháp chế, tiêu chuẩn của người đứng đầu thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.*  *c) Trường hợp tổ chức pháp chế được ghép với bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ, tiêu chuẩn của người đứng đầu thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan về điều kiện, tiêu chuẩn chức danh người đứng đầu bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ.*  *3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an căn cứ vào tiêu chuẩn của người làm công tác pháp chế quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn đối với người làm công tác pháp chế trong quân đội nhân dân và công an nhân dân.*  *4. Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch, hạng pháp chế viên sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Nội vụ.*  *5. Công chức, cán bộ và viên chức pháp chế quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị định này xếp lương theo ngạch, hạng pháp chế viên được hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề theo quy định sau đây:*  *a) Pháp chế viên cao cấp được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 15% mức lương cơ bản hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có);*  *b) Pháp chế viên chính được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 20% mức lương cơ bản hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có);*  *c) Pháp chế viên được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo nghề bằng 25% mức lương cơ bản hiện hưởng cộng với phụ cấp chức vụ lãnh đạo và phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có).*  *6. Doanh nghiệp nhà nước căn cứ tiêu chuẩn, chế độ của người làm công tác pháp chế quy định tại Điều này để lựa chọn, bố trí, sử dụng và quyết định chế độ đối với người làm công tác pháp chế phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.”.* |
|  | **Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập (khoản 15 Điều 1 dự thảo)** | Nghị định số 120/2020/NĐ-CP: Điều 6 quy định đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về tổ chức bộ máy; Điều 7 về Hội đồng quản lý. | Đã nêu tại khoản 1 mục I Phụ lục này. | Bổ sung Điều 16a vào sau Điều 16 như sau:  “**Điều 16a. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập**  *1. Xây dựng và củng cố tổ chức pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập.*  *2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế ở đơn vị sự nghiệp công lập.*  *3. Bố trí người làm công tác pháp chế, bảo đảm kinh phí, tạo điều kiện cần thiết cho hoạt động của tổ chức pháp chế, nhân viên pháp chế chuyên trách ở đơn vị sự nghiệp công lập.*  *4. Báo cáo về công tác pháp chế theo định kỳ hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất gửi cơ quan chủ quản và gửi Bộ Tư pháp*.”. |
| **II.** | **Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số quy định của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế (Điều 2 dự thảo)** | | | | |
| 1. | Bổ sung, thay thế, bỏ một số từ, cụm từ tại các điều, khoản, điểm (khoản 1 Điều 2 dự thảo): | - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP).  - Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP). | - Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP):  (i) Không còn quy định nhiệm vụ xây dựng chương trình xây dựng luật, pháp lệnh theo nhiệm kì.  Nghị định số 34/2016/ND-CP hướng dẫn Luật ban hành VBQPPL không quy định tổ chức pháp chế có nhiệm vụ xây dựng báo cáo 6 tháng về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, do đó, bỏ chế độ báo cáo 6 tháng  - Nghị định số 34/2016/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP) không quy định nhiệm vụ xây dựng báo cáo 6 tháng về công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL, do đó, bỏ chế độ báo cáo 6 tháng.  - Các nội dung được điều chỉnh phù hợp với thực tiễn, phù hợp với các quy định liên quan được sửa đổi, bổ sung trong dự thảo Nghị định. | Bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số từ, cụm từ tại các điều, khoản, điểm sau đây:  a) Bãi bỏ cụm từ “dài hạn, hằng năm” tại điểm b khoản 1 Điều 3;  b) Bãi bỏ cụm từ “và kiểm tra việc thực hiện pháp luật” tại tiêu đề và bỏ cụm từ “công tác kiểm tra” tại nội dung của khoản 5 Điều 3;  c) Bãi bỏ cụm từ “6 tháng” tại các điểm c khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 2 Điều 5 và điểm b khoản 2 Điều 6; thay thế cụm từ “liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên sâu” bằng cụm từ “liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình” tại điểm a khoản 2 Điều 5;  d) Bãi bỏ cụm từ “do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ giao hoặc” tại khoản 12 Điều 3, “do Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ giao hoặc” tại khoản 4 Điều 4, “do Tổng cục trưởng, Cục trưởng giao hoặc” tại khoản 10 Điều 5, “do Thủ trưởng cơ quan giao hoặc” tại khoản 10 Điều 6;  đ) Bãi bỏ cụm từ “định kỳ hàng quý” tại điểm đ và cụm từ “tổng kết” tại điểm g khoản 2 Điều 13;  e) Bãi bỏ từ “đủ” tại khoản 3 Điều 16, bổ sung cụm từ “nhân viên pháp chế” vào sau cụm từ “tổ chức pháp chế” tại khoản 3 Điều 16;  g) Thay thế cụm từ “Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ là đại diện chủ sở hữu phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp” bằng cụm từ “thủ trưởng các cơ quan, tổ chức thành lập, quản lý doanh nghiệp nhà nước, đại diện chủ sở hữu phần vốn đầu tư của Nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước” tại khoản 4 Điều 16. |
|  | Bãi bỏ Điều 17 (khoản 2 Điều 2 dự thảo) | Nghị định số 55/2011/NĐ-CP đang quy định. | Việc bãi bỏ mang tính chất kỹ thuật để tránh chồng chéo; nội dung chuyển tiếp mới đã được nêu tại khoản 2 Điều 4 dự thảo. | **Điều 4. Điều khoản thi hành**  2.  **Phương án 1:** Phòng Pháp chế tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được duy trì. Đối với các Phòng Pháp chế đã ghép với Phòng chuyên môn khác ở các cơ quan chuyên môn có tổ chức thanh tra, thì có thể tiếp tục được duy trì trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, sau đó thành lập tổ chức Thanh tra - Pháp chế.  **Phương án 2:** Phòng Pháp chế tại 06 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Sở Nội vụ, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Lao động, Thương binh và Xã hội, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo) được thành lập trước ngày Nghị định này có hiệu lực tiếp tục được duy trì. Trường hợp không tiếp tục duy trì tổ chức pháp chế, ở các cơ quan chuyên môn có tổ chức thanh tra thì ghép tổ chức pháp chế với thanh tra để thành lập tổ chức Thanh tra - Pháp chế; ở các cơ quan chuyên môn không có tổ chức thanh tra thì ghép tổ chức pháp chế vào phòng chuyên môn, nghiệp vụ để thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ - Pháp chế. |

1. **Khoản 2 Điều 32 Thông tư 08/2019/TT-BTP quy định biện pháp thực hiện quản lý Nhà nước về công tác bồi thường Nhà nước: Trách nhiệm thi hành và tổ chức thực hiện**

   *2. Tổ chức pháp chế (đối với các Bộ) tham mưu, giúp Bộ trưởng phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của Thông lư này.* [↑](#footnote-ref-1)